

# VAI TRÒ GIỚI TRONG GIA ĐÌNH PHỤ NỮ VIỆT NAM KẾT HÔN VỚI LAO ĐỘNG NƯỚC NGOÀI

HÀ THỊ THÚY, TRƯƠNG THÚY HẰNG, PHAN THỊ THU HÀ\*, TRẦN VĂN THÀNH\*\*

**Tóm tắt:** Bài viết sử dụng kết quả điều tra định tính của đề tài cấp bộ “Thực trạng phụ nữ Việt Nam chung sống, kết hôn với lao động nước ngoài tại Việt Nam” của Trung Ương Hội LHPN Việt Nam thực hiện năm 2019 để tìm hiểu về vai trò giới trong gia đình phụ nữ Việt Nam chung sống và kết hôn với lao động nước ngoài tại tỉnh Hà Tĩnh. Phân tích vai trò giới trong các gia đình này, bài viết chỉ đề cập ở hai khía cạnh liên quan đến vai trò sản xuất, vai trò tái sản xuất. Kết quả nghiên cứu cho thấy, mặc dù người vợ có đóng góp vào thu nhập chung của gia đình là không đáng kể so với chi tiêu hiện tại của gia đình phụ nữ Việt Nam kết hôn với nam giới Trung Quốc/Đài Loan, trong các gia đình đó lại thể hiện rất rõ sự bình đẳng giữa vợ và chồng trong việc tham gia các công việc gia đình. Người chồng thường xuyên chia sẻ với vợ các công việc trong gia đình, trong đó đáng chú ý nhất là việc người chồng chia sẻ với vợ các công việc trong gia đình, chăm sóc và dạy dỗ con cái.

**Từ khóa:** Vai trò giới, công việc gia đình, phụ nữ, lao động nước ngoài

**Abstract:** This article uses qualitative survey results of the ministerial-level project “The reality of Vietnamese women living and getting married with foreign workers in Vietnam” conducted by the Vietnam Women’s Union in 2019 in order to study about the gender roles in the family of Vietnamese women living and getting married with foreign workers in Ha Tinh province. Based on the analysis of gender roles in these families, the article mentions only two aspects which are related to productive role and reproductive role. The research results show that, although the wife’s contribution to the family’s general income is negligible compared to the current expenditure of Vietnamese women’s families married to Chinese/Taiwanese men, in such families clearly show the equality between husband and wife in participating in household chores. It is clearly shown that in these families the equality in involving in household chores remains between the husband and the wife. The husband often shares household chores with his wife, especially doing housework, taking care of and educating their children.

**Key words:** Gender roles, household chores, women, foreign workers.

## 1. Đặt vấn đề

Thời gian gần đây, bên cạnh việc phụ nữ Việt Nam lấy chồng nước ngoài và sinh sống ở quê chồng, có xu hướng lao động nước ngoài sang Việt Nam làm việc và chung sống, kết hôn với phụ nữ Việt Nam. Lao động nước ngoài vào làm việc tại Việt Nam ngày càng tăng về số

\* Học viện Phụ nữ Việt Nam

\*\* Đại học Lao động – Xã hội (CSII)

lượng, đa dạng về loại hình lao động, quy mô, ngành nghề làm việc (Hội LHPN Việt Nam, 2018). Tính đến năm 2017, cả nước có 81.259 lao động nước ngoài đang làm việc ở các vị trí như nhà quản lý, giám đốc điều hành, chuyên gia, lao động kỹ thuật và lao động khác. Lao động nước ngoài đến từ khoảng 110 quốc gia, trong đó đa phần đến từ Trung Quốc. Cụ thể, số lao động Trung Quốc là trên 25,1 nghìn người, chiếm khoảng 1/3 tổng lao động nước ngoài đang làm việc ở Việt Nam (Ủy ban các Vấn đề xã hội của Quốc hội, 2018). Trong số lao động các nước làm việc tại Việt Nam, hiện tượng lao động Trung Quốc chung sống, kết hôn với phụ nữ Việt Nam xuất hiện nhiều ở một số nơi như Hà Tĩnh, Nghệ An, Vĩnh Long, Bắc Giang. Tổng quan nghiên cứu cho thấy, khía cạnh về cuộc sống và vai trò giới trong gia đình của những cặp đôi kết hôn vợ người Việt, chồng người nước ngoài tại Việt Nam là một bức tranh còn mờ nhạt.

## **2. Phương pháp nghiên cứu**

Bài viết sử dụng phương pháp phân tích tài liệu để xây dựng cơ sở lý thuyết cho việc phân tích thực trạng về vai trò giới trong gia đình của phụ nữ Việt Nam chung sống và kết hôn với lao động nước ngoài.

Bài viết sử dụng thông tin định tính từ kết quả điều tra của Đề tài tại tỉnh Hà Tĩnh năm 2019 với 19 phỏng vấn sâu (PVS) gồm: 09 phỏng vấn sâu phụ nữ kết hôn với lao động Trung Quốc/Đài Loan; 03 lao động Trung Quốc/Đài Loan đang chung sống/kết hôn với phụ nữ Việt Nam; 04 người thân của phụ nữ chung sống/kết hôn với lao động Trung Quốc/Đài Loan; 05 người dân địa phương

## **3. Cơ sở lý thuyết**

### ***3.1. Khái niệm kết hôn với lao động nước ngoài tại Việt Nam***

Trong nghiên cứu này, kết hôn với lao động nước ngoài được hiểu là việc nam và nữ xác lập quan hệ vợ chồng với nhau theo quy định tại Khoản 25 điều 3 của Luật Hôn nhân và Gia đình 2014 về điều kiện kết hôn và đăng ký kết hôn. Người chồng phải có quốc tịch nước ngoài, đang làm việc ở Việt Nam theo quy định của pháp luật về lao động.

### ***3.2. Lý thuyết về vai trò giới***

Trong cuộc sống, nam và nữ đều tham gia vào các hoạt động của đời sống xã hội, tuy nhiên mức độ tham gia của nam, nữ trong các loại công việc là khác nhau do quan niệm, chuẩn mực xã hội quy định. Những công việc mà họ đảm nhận được gọi là vai trò giới. Vai trò giới là những trông đợi về những hành vi và quan điểm mà nền văn hóa xác định là phù hợp đối với phụ nữ và nam giới. Vai trò giới được thể hiện, thay đổi thông qua quá trình xã hội hóa. Vai trò giới có thể biến đổi qua các thời kỳ xã hội và khác nhau giữa các nền văn hóa (Hoàng Bá Thịnh, 2014).

Vai trò giới được quyết định bởi các yếu tố kinh tế, văn hoá, xã hội. Phụ nữ và nam giới đều có 3 vai trò giới, cụ thể là: Vai trò sản xuất, vai trò tái sản xuất và vai trò cộng đồng. Trong

phạm vi bài viết này, nhóm tác giả chỉ phân tích vai trò giới trên hai khía cạnh là vai trò sản xuất và vai trò tái sản xuất vì đây là hai vai trò thể hiện được rõ vị trí của người phụ nữ Việt Nam khi kết hôn với lao động nước ngoài.

**Vai trò sản xuất:** Là những hoạt động tạo ra của cải vật chất, tinh thần, nhằm đem lại thu nhập hoặc tự nuôi sống bản thân và gia đình (Học viện Phụ nữ Việt Nam, 2017).

Vai trò tái sản xuất bao gồm tái sản xuất sinh học và tái sản xuất sức lao động. Tái sản xuất sinh học là việc phụ nữ mang thai, sinh đẻ - vấn đề sống còn của nhân loại. Bên cạnh đó, tái sản xuất sức lao động là việc chăm lo, duy trì lực lượng lao động cho xã hội. Điều đó thể hiện qua các hoạt động phục hồi sức khỏe cho người lao động, chăm sóc trẻ em, người ốm, người già thông qua các hoạt động: nấu ăn, giặt giũ, dọn dẹp... Trong gia đình, phụ nữ thường là người đảm nhận chính các công việc tái sản xuất. Đây là công việc có đóng góp lớn cho nền kinh tế của xã hội nhưng không được trả công do xã hội quan niệm thuộc trách nhiệm của người phụ nữ (Học viện Phụ nữ Việt Nam, 2017).

Lý thuyết vai trò giới được vận dụng trong nghiên cứu này nhằm tìm hiểu những hoạt động, đóng góp của người vợ Việt Nam và người chồng Trung Quốc/Đài Loan ở các khía cạnh liên quan đến gia đình và cộng đồng như: sản xuất, tạo thu nhập; tái sản xuất sinh học và tái sản xuất sức lao động.

### **3.3. Tổng quan các nghiên cứu có liên quan đến vai trò giới trong các gia đình chung sống, kết hôn với lao động nước ngoài tại Việt Nam**

Vai trò giới trong gia đình đa văn hóa chưa được nhiều nghiên cứu nhắc đến. Do ảnh hưởng nặng nề của hệ giá trị tư tưởng Khổng giáo, việc phân công lao động trong gia đình mang đậm nét truyền thống, đặc biệt trong những gia đình sống ở nông thôn. Trong khi đó, phụ nữ Việt Nam thường kết hôn với đối tượng nam giới ở nông thôn, trình độ 18 học vấn thấp, hoàn cảnh kinh tế hạn chế. Do đó, các cô dâu Việt Nam được kỳ vọng thực hiện các trách nhiệm dành cho nữ giới như làm việc nhà, chăm sóc con cái và những người thân khác trong gia đình. Việc họ đi làm bên ngoài để có thêm thu nhập không được sự đồng tình và ủng hộ của cả chồng và gia đình chồng.

*Liên quan đến vai trò sản xuất*, Chia và Lu (2009) đã chỉ ra rằng chồng của các cô dâu là các trụ cột kinh tế của gia đình và họ là người phụ thuộc kinh tế. Họ đảm nhận công việc nội trợ toàn thời gian, giúp chồng công việc đồng áng hoặc làm trong các doanh nghiệp của gia đình. Tuy nhiên, không có trường hợp nào được trả lương và lao động của họ không được công nhận về giá trị kinh tế. Nghiên cứu của Huang (2017) lại mang đến một số phát hiện có tính khác biệt. Trong các cuộc hôn nhân xuyên biên giới, các cô dâu Việt Nam bị coi thường là “tầm hộ chiếu” hay ăn bám về kinh tế. Tuy nhiên, nghiên cứu này đã cho thấy các cô dâu Việt Nam đã thể hiện được vai trò kinh tế của mình khi đóng góp quan trọng vào công việc kinh doanh của chồng. Bằng cách tận dụng triển vọng của thương mại biên giới, các cô dâu Việt Nam đã phát triển mạng lưới xuyên quốc gia, góp phần phát triển kinh tế hộ gia đình, thách thức việc bị dán nhãn “phụ thuộc” kinh tế. Một số phụ nữ khác còn là người đứng đầu thực sự, điều hành doanh nghiệp (Huang, 2017). Nghiên cứu của Lê Thị Mai và cộng sự

(2017) cũng đã khẳng định sự đóng góp về kinh tế của người vợ Việt Nam đã ảnh hưởng đến mối quan hệ quyền lực của các cặp đôi trong gia đình truyền thống ở Đài Loan.

Đối với vai trò tái sản xuất, nhìn chung, qua các nghiên cứu, người vợ vẫn giữ vai trò đảm nhận chính hoặc hầu hết các công việc trong gia đình, ít được người khác chia sẻ, đặc biệt trong các gia đình ở nông thôn, còn mang nặng tính gia trưởng. Tang và cộng sự (2011) đã chỉ ra người vợ phải đảm nhận các công việc trong gia đình như nội trợ, chăm sóc con cái và những thành viên khác giống như người giúp việc mà ít có sự chia sẻ của người chồng. Theo nghiên cứu của Kim và Shin (2007), các cô dâu muốn chia sẻ việc nhà với những người chồng Hàn Quốc nhưng những nam giới ở nông thôn không quen với việc làm công việc nhà. Họ thường gia trưởng hơn nam giới thành phố. Người vợ thường phải phục vụ cả những người thân trong gia đình mở rộng như bố mẹ chồng. Do đó, họ thường không đi làm bên ngoài mà ở nhà nội trợ toàn thời gian theo ý muốn của bố mẹ chồng (Huang, 2014). Ngay cả với những người có thu nhập, họ vẫn phải phục vụ gia đình như những lao động tái sản xuất không được trả lương, đồng thời hoàn thành ba vai trò: người mẹ, người vợ và người con dâu (Wang, 2007; Huang, 2014; Lê Thị Mai & cộng sự, 2017). Công việc gia đình được xác định là công việc của con dâu theo xã hội Trung Hoa truyền thống. Vai trò của người con dâu là điều đầu tiên mà một 19 cô dâu ngoại quốc phải học sau khi tới Đài Loan. Bởi vì hôn nhân không phải chỉ vì cô dâu và chú rể mà mục đích là lấy con dâu về cho gia đình. Điều đó còn quan trọng hơn là “có vợ” cho chú rể (Wang, 2007). Sự chia sẻ công việc nhà của người chồng trong nghiên cứu của Huang (2017) có mối quan hệ với vai trò kinh tế của người vợ. Cụ thể, người vợ đóng góp kinh tế nhiều cho gia đình, mối quan hệ giữa vợ và chồng bình đẳng hơn. Với một số phụ nữ làm chủ doanh nghiệp, người chồng của họ lại đảm nhận chính các công việc gia đình như giặt giũ, nấu nướng.... (Huang, 2017).

Nghiên cứu của Lin và Hung (2007) cho thấy, sinh con và chăm sóc con cái được coi là việc rất quan trọng đối với phụ nữ. Việc đảm nhận chính vấn đề này đã ảnh hưởng tới cơ hội học tập và nâng cao trình độ của phụ nữ. Điều đó lại ảnh hưởng không tốt đến học vấn và sự phát triển của những đứa trẻ. Cũng bàn về trách nhiệm chăm sóc và dạy dỗ con cái, nghiên cứu của Nguyễn Thị Phương Châm (2014) đã phản ánh một thực trạng là trách nhiệm chăm sóc con cái được cho là thuộc tất cả của người vợ Việt Nam nhưng họ không được chăm sóc con theo cách riêng của mình mà phải tuân theo cách thức của địa phương nơi nhà chồng sinh sống. Mọi vấn đề xảy ra với con như ốm đau, hốt hoảng, nghịch ngợm.. đều bị đổ cho người mẹ và họ thường bị chồng và gia đình chồng mắng chửi. Người chồng cũng không muốn cho vợ dạy con tiếng Việt và cho vợ con về Việt Nam thăm bố mẹ vì lo sợ họ sẽ không quay trở lại nữa (Nguyễn Thị Phương Châm, 2014). Liên quan đến vấn đề con cái của các cô dâu Việt Nam, kết quả nghiên cứu của Đặng Thị Hoa (2016) cho thấy những khó khăn trong việc đăng ký khai sinh cho trẻ em của các cuộc hôn nhân xuyên biên giới: Việc con nuôi, đăng ký khai sinh cho trẻ em là con của phụ nữ kết hôn xuyên biên giới trở về Việt Nam ở các tỉnh miền núi khá phức tạp. Trong nhiều trường hợp, trẻ em không có giấy chứng sinh nên không thể cấp được giấy khai sinh, đăng ký hộ khẩu... gây khó khăn trong đời sống của các cháu đặc biệt là khi đến tuổi đi học hoặc khám chữa bệnh.

Về vai trò tình cảm trong gia đình, các tác giả còn đề cập đến sự thiếu thốn tình cảm trong hôn nhân giữa vợ và chồng, cụ thể là sự trò chuyện, chia sẻ và thông cảm với nhau do bất đồng ngôn ngữ. Giữa các thành viên không có sự hòa hợp, cụ thể giữa vợ và chồng, cha mẹ và con cái (Đặng Thị Hoa, 2016). Nghiên cứu còn chỉ ra cả sự thiếu hòa hợp trong cuộc sống tình dục giữa vợ và chồng. Điều đó dẫn đến sự buồn rầu và chán nản của người vợ Việt Nam (Nguyễn, 2014).

#### **4. Thực trạng vai trò giới trong gia đình phụ nữ Việt Nam kết hôn với lao động nước ngoài tại Việt Nam**

##### **4.1. Thu nhập và vai trò trụ cột trong gia đình**

Với hoạt động tạo ra thu nhập cho gia đình, trên bình diện tổng thể cho thấy, các phụ nữ tham gia trả lời phỏng vấn đều cho biết họ đi làm, có công việc, tuy nhiên việc đóng góp vào thu nhập chung của gia đình là không đáng kể so với chi tiêu hiện tại của gia đình.

Hầu hết nam giới nước ngoài kết hôn với phụ nữ Việt Nam trong nghiên cứu đều có mức thu nhập cao so với mức chi tiêu tại địa phương, thu nhập thấp nhất là 10 triệu/tháng và cao nhất 100 triệu/tháng. Điều đó cho thấy, vai trò trụ cột trong kiếm thu nhập những gia đình này do người chồng là chính, người vợ gần như là người phụ thuộc vào người chồng. Phần lớn những phụ nữ tham gia phỏng vấn lấy được người chồng có mức thu nhập cao từ trên 20 triệu. Đối với những gia đình có mức thu nhập cao từ người chồng, cuộc sống gia đình họ khá thoải mái trong việc chi tiêu sinh hoạt hàng ngày và còn là niềm mơ ước của rất nhiều người tại địa phương.

*Lương cơ bản của chồng em khoảng 30-40 triệu/tháng. Chồng em cũng làm mấy công trình riêng nữa kiếm thêm. Đa số chi tiêu một tháng trong gia đình tiền ăn khoảng tầm 10 triệu, chi tiêu cho con cái 2 đứa cũng khoảng 10 triệu, còn tiền linh tinh vợ chồng đi đây đi đó. Em trước giờ chưa kiếm được tiền, em cũng không tiết kiệm được. Em thấy chồng đưa về cho mình cái thôi, còn gửi tiết kiệm, mua chung cư (PVS, nữ, 28 tuổi, chồng Trung Quốc).*

*Chồng em lương được khoảng 60 triệu/tháng. Anh làm về được bao nhiêu đưa hết cho vợ. Em chi tiêu hàng tháng cả đối nội, đối ngoại, bạn bè cũng thoải mái lắm (PVS, nữ 31 tuổi, chồng Trung Quốc).*

Có những trường hợp trước đây gia đình được xếp vào loại hộ nghèo của địa phương, sau khi kết hôn nhờ kinh tế của chồng mà thoát nghèo, cũng có gia đình nhờ kinh tế của người chồng mà khá giả.

*Nhà em ngày trước mẹ vất vả, một mình mẹ nuôi 2 chị em. Hồi trước nhà em nhỏ lắm. Khi chúng em mới cưới công ty thuê cho ở gần mẹ. Chồng em sau bảo làm nhà cho mẹ luôn, bọn em lúc đầu cũng nghĩ làm chỗ khác nhưng nghĩ lại nhà có 1 mình mẹ, sau này em gái lấy chồng thì chồng em bảo xây nhà ở với mẹ. Tiền xây nhà là mẹ em cho mẹ, tầm khoảng gần 1 tỷ vì chúng em sắm hết đồ (PVS, nữ, 28 tuổi, chồng Trung Quốc).*

Kết quả nghiên cứu cũng cho thấy, với người chồng có trình độ học vấn từ Đại học trở lên thường có thu nhập trên 20 triệu đồng/tháng, còn người chồng có trình độ thấp thì thu nhập thấp hơn và cũng khó tìm kiếm một công việc ổn định ở cả Việt Nam và nước ngoài. Như vậy, trình độ học vấn có ảnh hưởng nhất định đến thu nhập của cả người chồng và người vợ. Chia sẻ từ người vợ có chồng trình độ học vấn thấp cho biết để tìm được một công việc ổn định ở bất kỳ đâu cũng rất là khó khăn.

*Tháng nào anh cũng đều đều gửi về, tháng 8 triệu, tháng 10 triệu. Đấy là lúc anh không thất nghiệp. Còn mấy tháng nay anh thất nghiệp, từ bữa Tết tới giờ chưa gửi về. Mình cũng lo, anh đi làm công việc không ổn định, đang tính xin chỗ này chỗ kia. Vừa rồi anh đi làm bên chỗ công ty gì đó, nhưng rồi cũng không làm nữa vì 3 tháng mới lĩnh lương 1 lần, với cả họ giữ lương nên không làm nữa (PVS, nữ, 34 tuổi, chồng Trung Quốc)*

Với phụ nữ có trình độ học vấn thấp đồng nghĩa với công việc bấp bênh, không ổn định và thu nhập chỉ dưới 3 triệu đồng/tháng. Phần lớn những người phụ nữ này lấy chồng nước ngoài có trình độ học vấn thấp như trường hợp được đề cập ở trên thì người vợ chỉ tốt nghiệp cấp 2.

Không ít các nghiên cứu đã chỉ ra rằng, trong gia đình người tạo ra thu nhập chính cũng là người quyết định các vấn đề trong gia đình. Kết quả nghiên cứu của Học viện Phụ nữ Việt Nam (2020) cho thấy, người chồng là người sản xuất/lao động tạo thu nhập cho gia đình nhiều hơn gần gấp 4 lần so với người vợ vì thế trong lĩnh vực sản xuất, người chồng quyết định nhiều hơn các công việc được coi là các việc lớn trong gia đình như: Hướng đầu tư, sản xuất, kinh doanh của gia đình; các việc liên quan đến nhà cửa đất đai; việc mua sắm, bán/cho/tặng các tài sản đắt tiền. Tuy nhiên, kết quả nghiên cứu này cho thấy, mặc dù người chồng là người thu nhập chính nhưng mọi vấn đề trong gia đình người vợ lại là người quyết định từ việc quản lý chi tiêu đến quyết định các vấn đề lớn trong gia đình. Ở những gia đình này, hầu hết người chồng khi được nhận lương hàng tháng họ đều đưa cho người vợ quản lý chi tiêu. Như vậy, người vợ mặc dù không là người kiếm tiền chính nhưng họ vẫn được tôn trọng trong các quyết định trong gia đình.

*Nói chung chồng em cứ đưa về thì em quản lý. Việc kinh doanh làm ăn của chồng em cũng không can thiệp nhiều. Khi chồng em nói cần đầu tư gì thì em lại đưa cho chồng. Bình thường các khoản tiền cho mẹ em, cho họ hàng, hay bố mẹ chồng chồng em tự cho. Chỉ do em quyết định thôi, chồng em không quan tâm đến mấy chuyện đó. Tiền một tháng tiêu hết bao nhiêu chồng em không quản lý. Anh ấy thoải mái chuyện tiền nong. Nói chung em thích tiêu gì thì tiêu. Chồng em toàn để tiền trong thẻ, em tiêu gì thì tiêu (PVS, nữ, 28 tuổi, chồng Trung Quốc).*

Trong nghiên cứu này, ngoại trừ 01 trường hợp có khó khăn về kinh tế còn lại hầu hết cuộc sống của họ khá thoải mái, không phải lo lắng. Đa phần người chồng là người có thu nhập cao nên việc phụ nữ có đi làm hay không cũng không ảnh hưởng nhiều đến kinh tế gia đình.

*Hiện nay kinh tế em thấy không có gì phải lo lắng. Đa số chồng em đi làm nhưng em vẫn thích kiếm được tiền để sau này mình thích tiêu gì thì tiêu, mình sẽ thoải mái hơn. Chồng em vẫn muốn em đi làm để em có tiền của em (Nữ, 28 tuổi, chồng Trung Quốc)*

Như vậy có thể thấy, trong các gia đình phụ nữ kết hôn với người Trung Quốc/Đài Loan, người chồng đóng vai trò trụ cột kinh tế. Chồng là người kiếm tiền chính trong gia đình, nhưng quản lý và quyết định các vấn đề chi tiêu trong gia đình lại là người vợ.

## 4.2. Phân công lao động trong gia đình

### 4.2.1. Người quyết định các công việc trong gia đình

Trong gia đình phụ nữ Việt Nam kết hôn với nam giới Trung Quốc/Đài Loan, người vợ là người trực tiếp làm việc nội trợ, chăm sóc gia đình, là người quản lý trong gia đình nên người vợ là người có quyền quyết định chính trong chi tiêu hàng ngày.

*Tiền làm được bao nhiêu về anh đưa cho vợ. Vợ là người quyết định chi tiêu trong gia đình và việc sử dụng tiền như thế nào còn người chồng mỗi khi nhận lương chỉ giữ lại một ít tiêu vặt (PVS, nữ, 31 tuổi, chồng Trung Quốc)*

Ở các gia đình này, phần lớn các công việc trong gia đình đều do hai vợ chồng bàn luận để cùng ra quyết định. Điều đáng lưu ý, khi người vợ có trình độ học vấn đại học thì mối quan hệ vợ chồng khá bình đẳng trong các quyết định quan trọng. Hơn nữa người vợ còn là người có toàn quyền quyết định trong công việc sản xuất và kinh doanh trong gia đình mình.

*Hai vợ chồng em quan điểm cũng gần gần như nhau, có vấn đề gì em cũng hỏi ý kiến chồng nhưng gần như em quyết định chính (PVS, Nữ, 34 tuổi, chồng Đài Loan)*

*Chồng em nghe theo em lắm. Như em bàn với chồng, em bảo mẹ anh ấy bán nhà để về Việt Nam đầu tư, lúc đầu mẹ anh ấy cũng không đồng ý, sau em thuyết phục phân tích cho anh ấy, anh ấy về nói lại với mẹ thì mẹ anh ấy cũng đồng ý. Khi chồng em đồng ý thì mẹ anh ấy cũng đồng ý vì mẹ anh ấy cực kỳ nghe anh ấy, thương anh ấy (PVS, nữ, 31 tuổi, chồng Trung Quốc).*

Việc người vợ thường là người quyết định việc lớn trong các gia đình này được họ giải thích rằng đàn ông Trung Quốc/Đài Loan rất yêu thương vợ con, họ thoải mái trong việc chi tiêu và tin tưởng vào người vợ, tin tưởng vào sự chịu thương, chịu khó, chịu chiu của vợ mình.

### 4.2.2. Chia sẻ các công việc trong gia đình

Rất nhiều các nghiên cứu về phân công công việc gia đình ở các gia đình Việt Nam cho thấy, phụ nữ thường là người có thời gian làm các công việc gia đình cao hơn nhiều so với nam giới. Trong các nghiên cứu Học viện Phụ nữ Việt Nam (2020) và Oxfarm, Học viện Phụ nữ Việt Nam (2019), người vợ thường thực hiện công việc nhà là chính, họ là người trực tiếp làm công việc nội trợ, chăm sóc gia đình, quán xuyến công việc gia đình, chăm sóc người già, trẻ em, người ốm. Tuy nhiên, trong nghiên cứu này sự bình đẳng giữa vợ và chồng trong việc tham gia các công việc gia đình được thể hiện rất rõ. Tất cả phụ nữ Việt Nam lấy chồng Trung Quốc/Đài Loan đều nhận định chồng thường xuyên làm các công việc nhà từ nấu ăn, rửa bát, dọn dẹp nhà cửa. Một số người chồng còn được đánh giá là siêng năng, chịu khó, không nề hà công việc, hơn cả những ông chồng Việt Nam. Trong số đó có người chồng còn là người làm chính những công việc này chứ không phải là vợ. Họ cho rằng con trai Trung Quốc thường làm công việc nội trợ trong gia đình.

*Nói chung chồng em, em nói gì thì nghe hết, bảo làm gì thì làm, cũng không có gì thay đổi từ khi chúng em quen nhau đến bây giờ. Khi ở với nhau anh chồng em làm hết, em không đụng tay gì cả. Công việc nhà từ rửa bát, giặt quần áo, gấp quần áo, lau nhà anh làm hết. Khi thấy em lười thụt quá anh hay nói, em nói anh làm anh ăn em không ăn né thì lại thôi (PVS, Nữ, 31 tuổi, chồng Trung Quốc).*

Mặc dù tự nguyện làm những công việc trong gia đình như vậy, nhưng những người chồng này vẫn muốn vợ làm việc nhà. Một nam giới, 34 tuổi người Trung Quốc cho biết: “Khi vợ không làm công việc nhà như không giặt đồ, không dọn nhà, không nấu ăn thì không tốt nên rất mong muốn vợ yêu chồng nhiều hơn, quan tâm chồng nhiều hơn. Khi chồng quá mệt mỏi thì mong muốn vợ giúp chồng còn chồng có thể làm”. Tất cả cha, mẹ đẻ của phụ nữ Việt Nam lấy chồng Trung Quốc/Đài Loan được hỏi đều cho biết: con rể họ rất siêng năng làm việc nhà. Họ không nề hà bất cứ việc gì trong gia đình từ giặt quần áo đến nấu cơm.

*Cậu đó sang đây, quần áo tự giặt, cơm ăn xong thì rửa bát, nhiều khi cái đó khác với phong tục của Việt Nam mình. Việc nhẹ nhất là đàn bà, nhiều khi nó làm thế bố mẹ không cho (PVS, nam, người thân)*

#### 4.2.3. Việc chăm sóc và dạy dỗ con cái

Kết quả nghiên cứu cho thấy, nam giới Trung Quốc/Đài Loan cũng tham gia cùng vợ trong việc chăm sóc và dạy dỗ con cái. Tuy nhiên, do người vợ có nhiều thời gian ở nhà hơn nên việc chăm sóc con cái phần lớn do người vợ đảm nhận, còn người chồng khi rảnh rỗi cũng dành thời gian để chơi với con. Bản thân nam giới Trung Quốc/Đài Loan cũng muốn vợ là người dạy con là chính. Đa phần người vợ nhận xét chồng họ là những người tình cảm, có trách nhiệm với vợ con, quan tâm, lo lắng đến gia đình.

Ở những gia đình người vợ trước đó đã có con riêng, người chồng Trung Quốc/Đài Loan cũng vẫn hỗ trợ vợ trong chăm sóc con. Có anh chồng thì chu cấp ăn học cho con riêng 36 của vợ (trường hợp người phụ nữ Việt Nam đã có 2 con riêng), có anh chồng thì chăm sóc và rất quý mến con gái vợ với chồng cũ (trường hợp người phụ nữ có 1 con riêng với chồng cũ).

*Bình thường khi đi chơi với con gái em, anh rất quý cháu, công cháu trên lưng. Con gái em rất quý chồng em thành ra mọi người có cái nhìn rất thiện cảm với anh (PVS, nữ, 31 tuổi, chồng Trung Quốc)*

Ở những gia đình mẹ người Việt, bố người Trung Quốc/Đài Loan con cái được giáo dục theo cách thức truyền thống của Việt Nam, không có sự khác biệt gì đối với những gia đình xung quanh. Đa phần ở các gia đình này, cả vợ và chồng đều muốn con cái được sinh ra tại đất nước của người chồng, được mang quốc tịch của chồng vì họ cho rằng điều kiện sống và môi trường học tập ở bên đó tốt hơn so với nơi họ đang sinh sống. Trong các gia đình vợ Việt Nam và chồng Trung Quốc/Đài Loan đã đăng ký kết hôn thì con cái đều lấy họ bố, những trường hợp hai vợ chồng chưa làm được giấy đăng ký kết hôn thì con lấy họ mẹ. Tuy nhiên nhiều gia đình có dự định khi con cái bắt đầu đi học sẽ đưa về quê hương của người chồng để con con họ có điều kiện học tập tốt hơn.

Phần lớn ở các gia đình này người chồng đều dạy con ngôn ngữ của họ để con có thể giao tiếp được với ông bà nội ngay từ khi còn bé. Tuy nhiên, một vấn đề đặt ra trong việc dạy con tiếng Trung Quốc/Đài Loan cho con cái ở những gia đình này cũng rất khó khăn vì người chồng có thể đảm nhiệm tốt thì lại bạn phải đi làm để có thu nhập còn người vợ lại không đủ khả năng để dạy cho con. Chính vì thế, vấn đề đặt ra là làm thế nào những đứa trẻ trong gia đình này không cảm thấy bị lạc lõng khi trở về quê hương của bố là một vấn đề thực sự cần được quan tâm.

*Em rất muốn dạy con tiếng Trung Quốc để con có thể nói chuyện được với ông bà nội nhưng em chẳng dạy được con vì em cũng bận bịu lắm. Hơn nữa em cũng dự định khi con vào học sẽ cho con trở về Trung Quốc để con được học ở đó. Em nghĩ môi trường đó con em sẽ có điều kiện hơn, với lại em cũng dự định sau này sẽ về sống ở Trung Quốc (PVS, nữ 28 tuổi, chồng Trung Quốc).*

Trong nghiên cứu này, do khó khăn khi tiếp cận với nam giới Trung Quốc/Đài Loan kết hôn với phụ nữ Việt Nam nên chúng tôi chưa tìm hiểu được mong muốn sinh con trai của họ. Còn người vợ cho rằng việc sinh con trai hay con con gái không phải là áp lực. Theo họ, chồng và bên nhà chồng rất thoải mái về vấn đề này nên việc sinh con trai hay con gái đều được và không ảnh hưởng gì đến cuộc sống của họ.

## Kết luận

Nam giới nước ngoài kết hôn với phụ nữ Việt Nam trong nghiên cứu đều có mức thu nhập cao so với mức chi tiêu tại địa phương. Người vợ cũng có công việc, tuy nhiên việc đóng góp vào thu nhập chung của gia đình là không đáng kể so với chi tiêu hiện tại của gia đình. Mặc dù người chồng là người thu nhập chính nhưng mọi vấn đề trong gia đình người vợ lại là người quyết định. Việc quản lý chi tiêu, thu nhập trong gia đình đều là người vợ.

Trong các gia đình phụ nữ Việt Nam kết hôn với nam giới Trung Quốc/Đài Loan thể hiện rất rõ sự bình đẳng giữa vợ và chồng trong việc tham gia các công việc gia đình. Tất cả phụ nữ Việt Nam lấy chồng Trung Quốc/Đài Loan đều nhận định chồng thường xuyên làm các công việc nhà từ nấu ăn, rửa bát, dọn dẹp nhà cửa. Nam giới Trung Quốc/Đài Loan cũng tham gia cùng vợ trong việc chăm sóc và dạy dỗ con cái. Tuy nhiên, đối với công việc này phần lớn do người vợ đảm nhận, còn người chồng khi rảnh rỗi cũng dành thời gian để chơi với con.

Ở những gia đình mẹ người Việt, bố người Trung Quốc/Đài Loan con cái được giáo dục theo cách thức truyền thống của Việt Nam, không có sự khác biệt gì đối với những gia đình khác xung quanh. Phần lớn ở các gia đình này người chồng đều dạy con cái ngôn ngữ của họ để con cái có thể giao tiếp được với ông bà nội ngay từ khi còn bé. Tuy nhiên việc dạy con tiếng Trung Quốc/Đài Loan cho con cái ở những gia đình này cũng rất khó khăn vì người chồng có thể đảm nhiệm tốt thì lại bạn phải đi làm để có thu nhập còn người vợ lại không đủ khả năng để dạy cho con.

Hôn nhân là tình cảm tự nguyện của mỗi con người, chịu sự điều chỉnh của pháp luật. Hiện nay các quy định pháp lý liên quan đến hôn nhân và hôn nhân có yếu tố nước ngoài tại Việt Nam khá hoàn thiện và đầy đủ. Để góp phần giúp các cặp vợ chồng kết hôn với người nước ngoài nói chung trong quá trình chung sống giảm bớt các khó khăn, vướng mắc, xây dựng hạnh phúc gia đình, phụ nữ trong các gia đình đa văn hóa cần luôn cố gắng tự chủ nắm bắt cuộc sống. Những phụ nữ hiện chưa có việc làm cần cố gắng có công việc tạo ra thu nhập. Trong bất kỳ điều kiện hay hoàn cảnh nào đều không nên lệ thuộc vào người chồng nước ngoài kể cả vật chất hay tinh thần, bởi công việc giúp họ có thêm cơ hội tiếp xúc với xã hội rộng lớn hơn, có cơ hội thành công hơn và tự chủ hơn trong bất cứ hoàn cảnh nào.

## Tài liệu tham khảo

- Wang, H. (2007). *Hidden Spaces Multicultural families in Korean rural farming communities: Social exclusion and policy response*. Paper presented at the Fourth Annual East Asian Social Policy research network (EASP) International Conference Restructuring Care Responsibility: Dynamics of Welfare Mix in East Asia 20-21 October 2007, The University of Tokyo, Japan of Resistance of the Subordinated: Case S Lin, Chia, M. & Lu, W. (2009). *Gender, marriage and migration: Contemporary marriages between mainland China and Taiwan*.
- Huang (2017). Dependent or breadwinner? Vietnamese brides reshaping gender roles at the China-Vietnam border. *The Journal of Chinese Sociology* (2017) 4:16
- Le Thi Mai, Bui Loan Thuy, Do Xuan Ha (2017). Social Integration of Vietnamese Women Married to Foreigners (Case Study in Penghu Islands and Taipei, Taiwan). *Journal of Management and Marketing Review*, 2 (1) 59 – 74 (2017)
- L. H., & Hung, C. H (2007). Vietnamese women immigrants' life adaptation, social support, and depression. *Journal of Nursing Research*, 15(4), 243-254 *udies from Vietnamese Female Migrant Partners in Taiwan*. IMR Volume 41 Number 3 (Fall 2007):706–727
- Kim, Shin (2007). *Multicultural families in Korean rural farming communities: Social exclusion and policy response*. Paper presented at the Fourth Annual East Asian Social Policy research network (EASP) International Conference Restructuring Care Responsibility: Dynamics of Welfare Mix in East Asia 20-21 October 2007, The University of Tokyo, Japan
- Nguyễn Thị Phương Châm (2014). *Cross-border brides: Vietnamese wives, Chinese husbands in a border-area fishing village*. Cross-Currents: East Asian history and culture review. E-Journal No. 11 (June 2014).
- Đặng Thị Hoa (2016). *Hôn nhân xuyên biên giới với phát triển xã hội*. Hà Nội: Nxb Khoa học xã hội
- Học viện Phụ nữ Việt Nam (2017). *Giáo trình giới trong an sinh xã hội*. Hà Nội: Nxb Giáo dục Việt Nam.
- Hội Liên hiệp Phụ nữ Việt Nam (2018). *Báo cáo Tình hình triển khai, thực hiện chính sách, pháp luật Về người lao động Việt Nam đi làm việc nước ngoài giai đoạn 2010-2017 và người nước ngoài làm việc tại Việt Nam giai đoạn 2013-2017*
- Học viện Phụ nữ Việt Nam (2020). *Quyển quyết định của phụ nữ trong việc thực hiện các chức năng gia đình*. Hà Nội: Nxb Lao động
- Học viện Phụ nữ Việt Nam & Oxfarm (2019). *Công việc không lương. Thực trạng và lượng hóa giá trị lao động*. Hà Nội: Nxb Lao động.
- Ủy ban các vấn đề xã hội của Quốc hội (2019). Lấy từ: <http://quochoi.vn/uybanvecacvandexahoi/giamsat/Pages/giamsat.aspx?ItemID=1281>
- Tang, Belanger, Wang (2011). *Đặc điểm chính trị của việc thương thảo giữa cô dâu Việt Nam và chú rể Đài Loan. Kỹ yếu hội thảo Di cư của phụ nữ Việt Nam sang các nước Đông Á để kết hôn – Hướng tới cái nhìn đa chiều*